

Ngày 30/09/2025	3,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.2%	-21.1%	-16.7%

	Q3/25	
ROE	21.0%	+/- YoY ▼ 481%

	Q3/25		
DT thuần	425	QoQ ▼ 56.0 ▼ 11.7%	YoY ▲ 282 ▲ 197%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	1,209	YoY ▲ 719 ▲ 147%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	25.3	QoQ ▲ 10.6 ▲ 72.4%	YoY ▲ 14.0 ▲ 124%
	tỷ VNĐ		

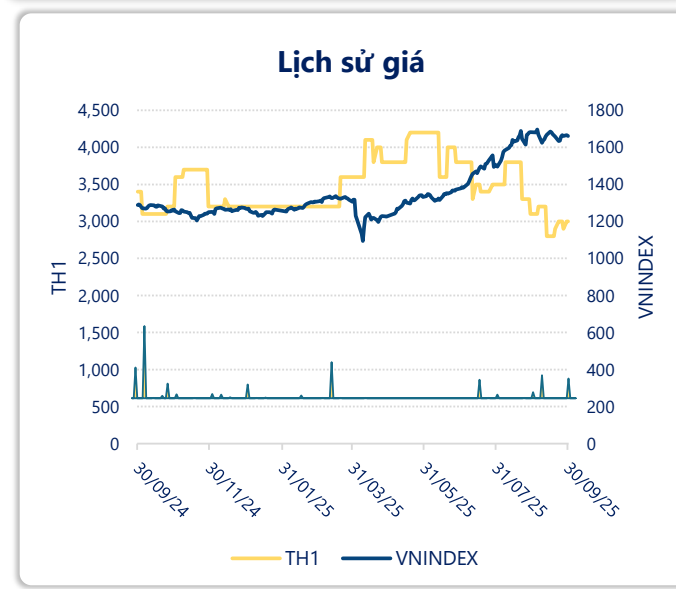
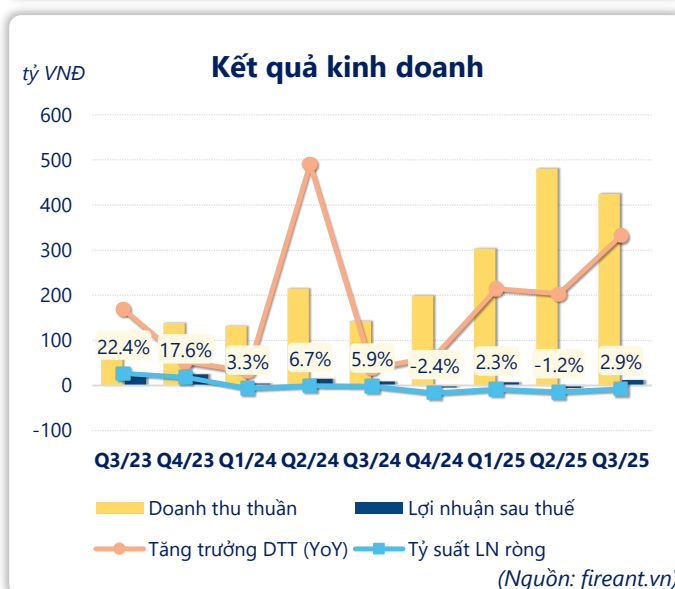
	9T 2025	
LN gộp	53.9	YoY ▲ 7.90 ▲ 17.3%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	12.4	QoQ ▲ 19.9 ▲ 266%	YoY ▲ 3.47 ▲ 39.2%
	tỷ VNĐ		

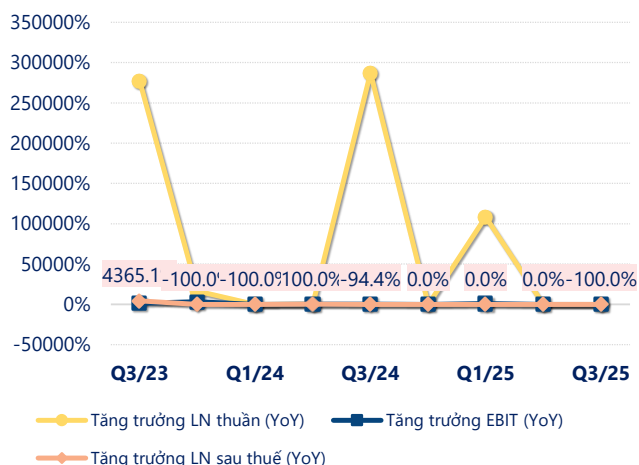
	9T 2025	
LN thuần	11.9	YoY ▼ 16.1 ▼ 57.4%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	12.3	QoQ ▲ 18.1 ▲ 313%	YoY ▲ 3.79 ▲ 44.1%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	13.4	YoY ▼ 13.9 ▼ 51.0%
	tỷ VNĐ	

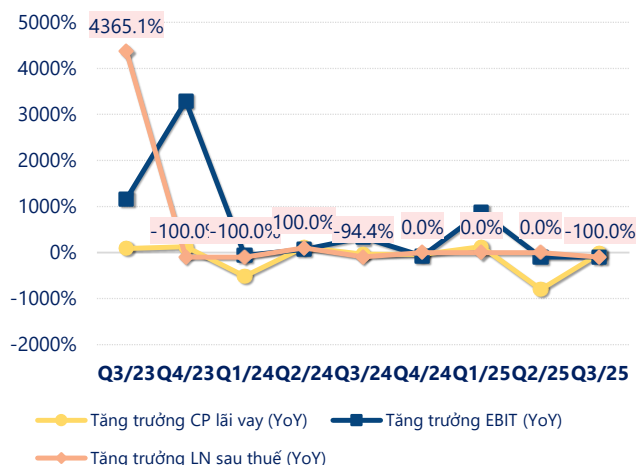


Tăng trưởng lợi nhuận



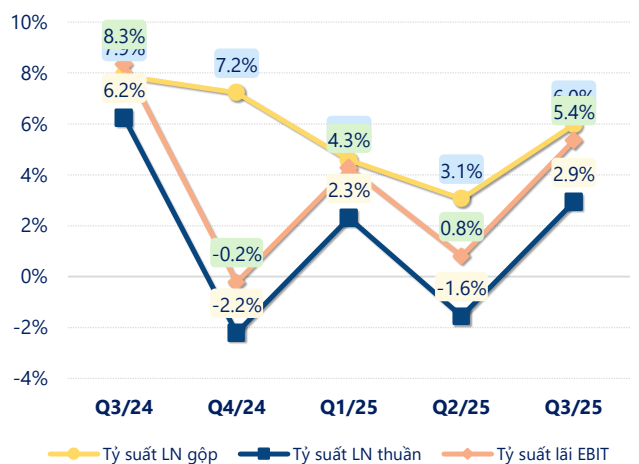
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



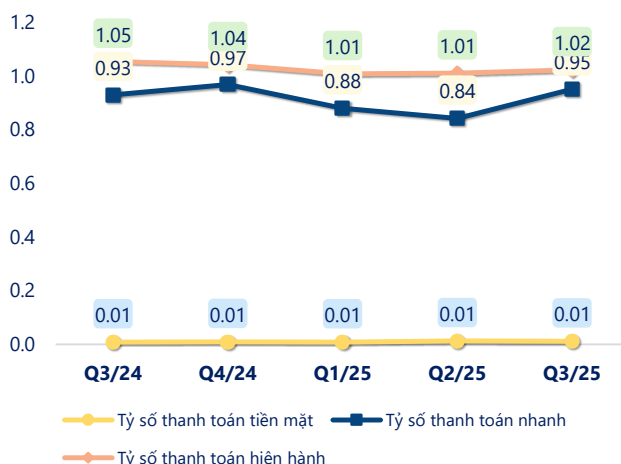
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



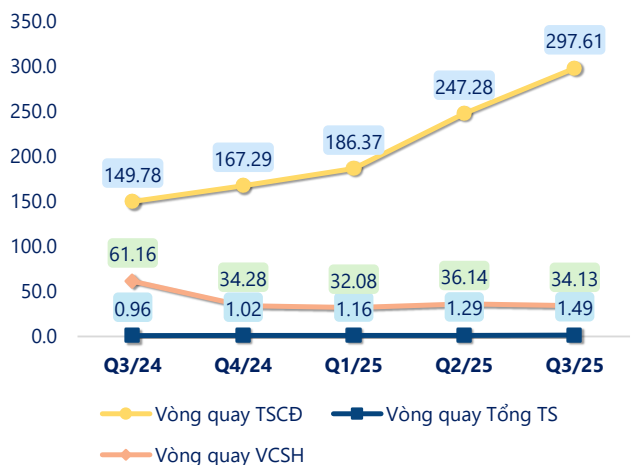
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



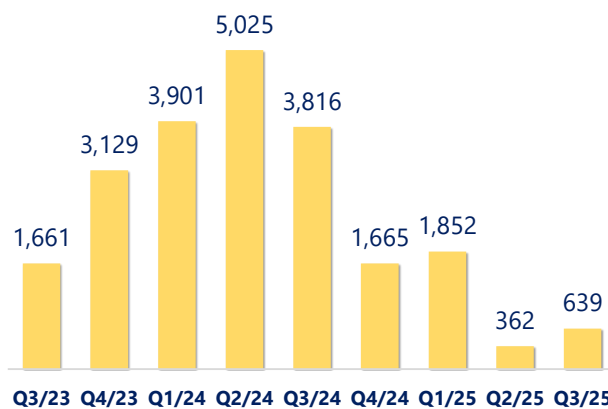
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	425	143	197%	1,209	490	147%
Giá vốn hàng bán	400	132	203%	1,155	444	160%
Lợi nhuận gộp	25.3	11.3	124%	53.9	46.0	17.3%
Doanh thu HĐTC	16.8	10.5	60.1%	49.4	29.2	69.3%
Chi phí TC	15.4	4.88	216%	49.8	15.3	226%
Chi phí lãi vay	10.5	3.13	235%	26.2	6.57	299%
LN trong công ty LKLD	1.92	2.35	-18.4%	-1.83	-4.66	60.8%
Chi phí bán hàng	14.5	9.04	60.0%	34.6	23.2	49.3%
Chi phí QLDN	1.76	1.31	34.6%	5.14	4.01	28.0%
LN thuần từ HĐKD	12.4	8.93	39.2%	11.9	28.0	-57.4%
Lợi nhuận khác	-0.17	-0.11	-50.3%	1.44	-0.46	411%
LN trước thuế	12.3	8.82	39.1%	13.4	27.6	-51.5%
Lợi nhuận sau thuế	12.3	8.51	44.1%	13.4	27.3	-51.0%
LNST của CĐ cty mẹ	12.3	8.51	44.1%	13.4	27.3	-51.0%

(Nguồn: fireant.vn)

